



Báo cáo

THỊ TRƯỜNG THÉP

THÁNG 1/2021

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



TÓM TẮT	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
1. Sản lượng thép thế giới	04
2. Diễn biến xuất nhập khẩu.....	06
3. Diễn biến giá.....	10
4. Dự báo.....	11
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC.....	12
1. Tình hình sản xuất.....	12
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho.....	14
3. Diễn biến giá.....	15
PHẦN III: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM.....	18
1. Sản lượng và tiêu thụ thép Việt Nam.....	18
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho.....	23
3. Diễn biến giá nguyên liệu	25
4. Giá thép trong nước.....	26
5. Dự báo.....	27
PHẦN IV: CHÍNH SÁCH	28
1. Một số nước khởi xướng điều tra các sản phẩm thép Việt Nam.....	28
2. Chính sách các nước trên thế giới.....	30
PHẦN V: HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH.....	31
PHỤ LỤC.....	34

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN:

Nội dung: Huyền Trang, Lan Hương, Phùng Đức Quyền

Thiết kế: Justin Bui

TÓM TẮT

Trong tháng 1, sản lượng thép thô toàn thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi với mức tăng trưởng 4,8% so với cùng kỳ năm trước đạt 162,9 triệu tấn. Worldsteel dự đoán nhu cầu tiêu thụ thép thế giới dự kiến sẽ tăng lên 1,83 tỷ tấn vào năm 2021, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc, nước sản xuất thép thô lớn nhất thế giới, ghi nhận sản lượng 90,2 triệu tấn trong tháng 1, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, nước này đứng trước nguy cơ phải cắt giảm nguồn cung do thiếu hụt nguyên liệu và yêu cầu cắt giảm khí thải để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tại Việt Nam, sản lượng và tiêu thụ thép tiếp tục tăng trong tháng 1. Số liệu từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) cho thấy sản xuất thép thô cả nước tháng 1/2021 đạt 1.732.259 tấn, tăng 1,7% so với tháng trước và tăng tới 50,2% so với cùng kỳ năm trước.

VSA cho rằng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế Việt Nam được duy trì ở khoảng 6% thì sản lượng sản xuất thép thô sẽ tăng khoảng 2%.

Trong tháng 1/2021, giá các loại nguyên vật liệu sản xuất thép đã giảm nhẹ trước kỳ nghỉ Tết nguyên đán sau khi tăng cao đột biến hồi cuối tháng 12/2020. Tuy nhiên, giá một số loại nguyên liệu, bán thành phẩm sản xuất thép tăng trở lại sau đó như thép phế liệu, HRC, phôi thép,...

Các doanh nghiệp lớn ngành thép đều ghi nhận quý cuối cùng của niên vụ trước với kết quả tương đối khả quan.

PHẦN I

THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

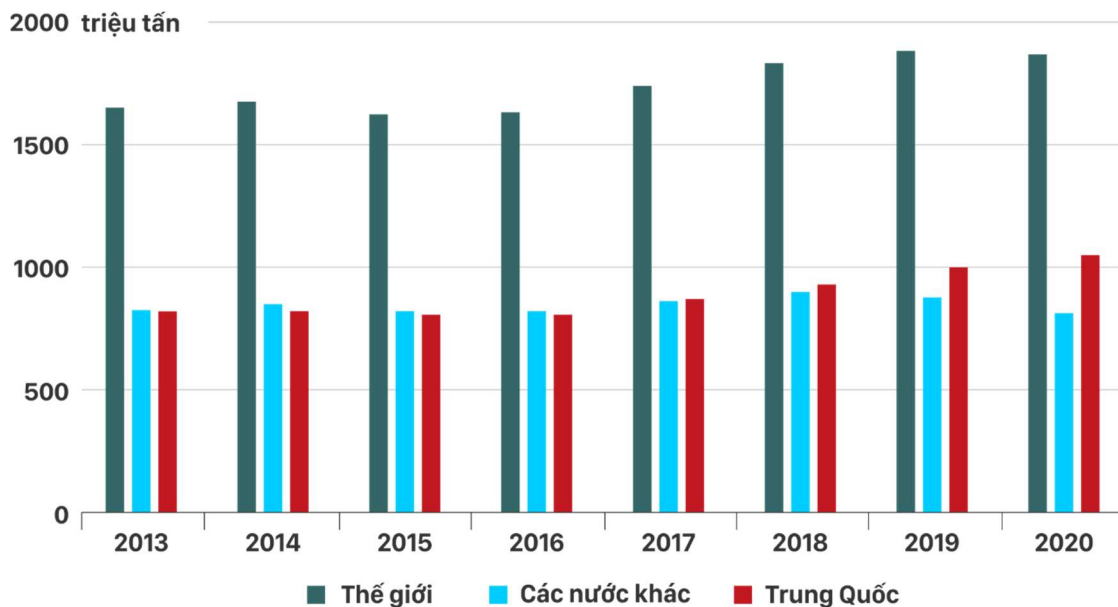
1. Sản lượng thép thế giới

Ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã tác động mạnh đến sản xuất và tiêu thụ thép. Sản lượng thép thô toàn cầu sụt giảm mạnh do sự gián đoạn chuỗi cung ứng, chạm đáy và tháng 4 và phục hồi dần vào các tháng cuối năm.

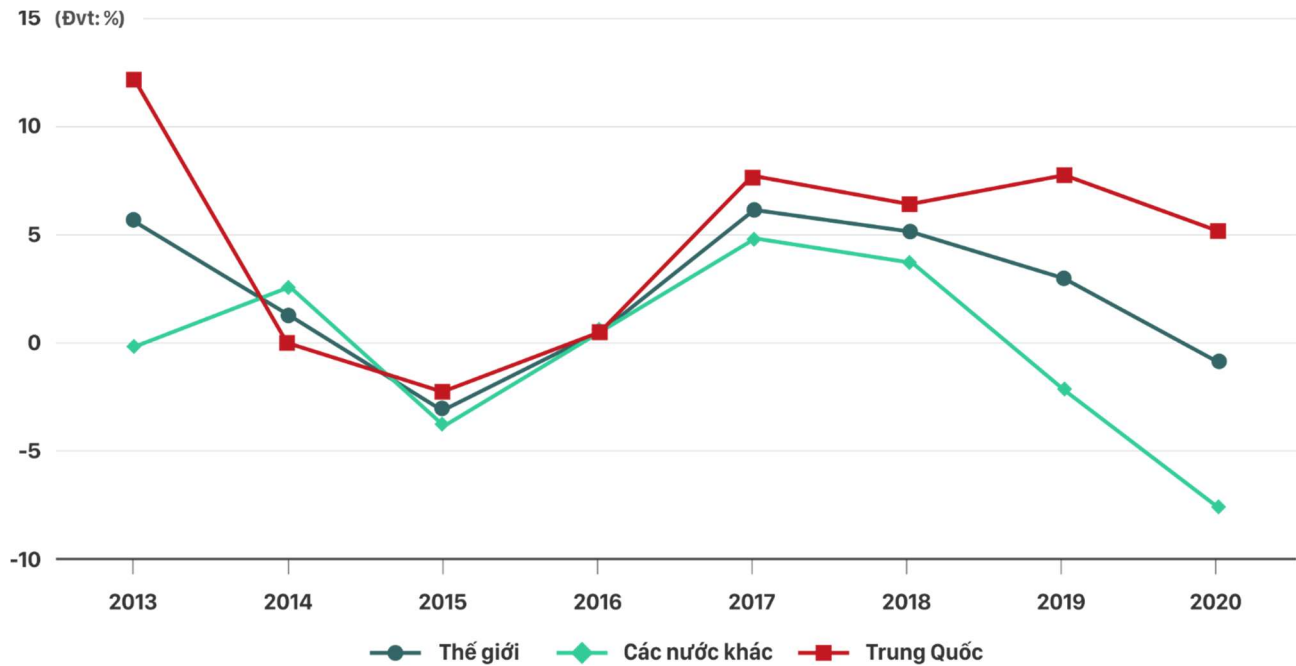
Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), trong tháng đầu tiên của năm 2021, sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 162,9 triệu tấn, cao hơn con số 161,8 triệu tấn của tháng 12/2020, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2020, sản lượng thép thô toàn cầu đạt 1.864 triệu tấn, giảm 0,9% so với năm trước.

Đáng chú ý, sản lượng thép thô của châu Á lại tiếp tục tăng 1,5% so với năm 2019 đạt 1.374,9 triệu tấn nhờ sự tăng trưởng mạnh của sản xuất thép của Trung Quốc, nước sản xuất thép lớn nhất thế giới. Sản lượng thép thô nước này đạt 1.053 triệu tấn, tăng 5,2% và chiếm tỷ trọng 56,5% sản lượng thép toàn cầu, cao hơn mức 53,3% của năm 2019.



Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới (Nguồn: World Steel)



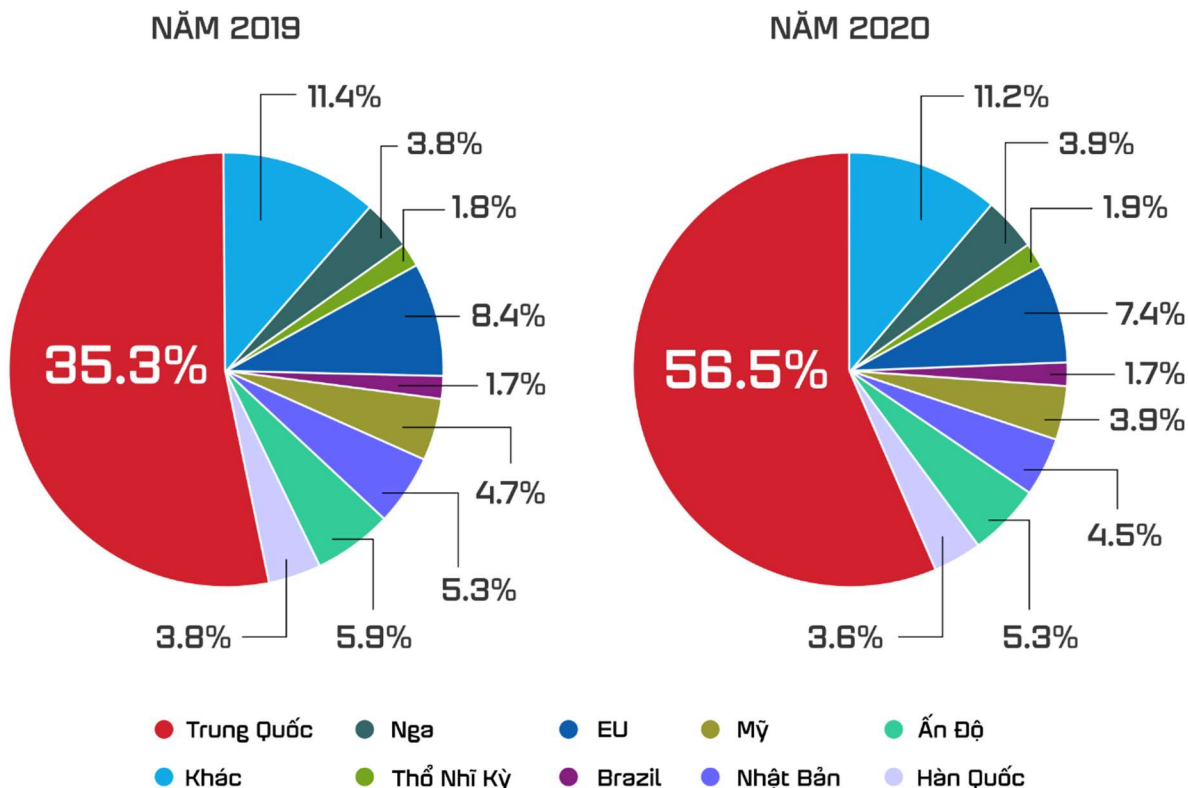
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng sản lượng thép thô Trung Quốc so với các nước khác trên thế giới (Nguồn: World Steel)

Sản lượng thép thô của Ấn Độ năm 2020 đạt 99,6 triệu tấn, giảm 10,6% so với năm 2019. Nhật Bản sản xuất 83,2 triệu tấn, giảm 16,2% và Hàn Quốc sản xuất 67,1 triệu tấn, giảm 6%.

Tại các châu lục khác, sản lượng thép thô của phần lớn các nước đều giảm so với năm trước. EU sản xuất 138,8 triệu tấn thép thô vào năm 2020, giảm 11,8% so với năm 2019. Trong đó, Đức sản xuất 35,7 triệu tấn thép thô, giảm 10%.

Trong năm 2020, Mỹ sản xuất 72,7 triệu tấn thép thô, giảm 17,2% vào năm 2019.

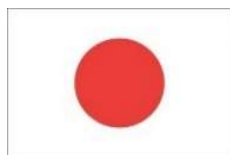
Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những nước hiếm hoi có sản lượng thép thô năm 2020 tăng trưởng, đạt 35,8 triệu tấn, tăng 6% so với năm 2019.



Biểu đồ 3: Tỷ trọng sản xuất thép thô toàn cầu. (Đvt: %), (Nguồn: World Steel).

2. Diễn biến xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu



Nhật Bản: Theo số liệu từ Liên đoàn Sắt thép Nhật Bản (JISF), xuất khẩu thép của Nhật Bản đạt hơn 2,46 triệu tấn trong tháng 1/2021, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm ngoái, tổng giá trị kim ngạch đạt gần 2.229 triệu USD.

Trong đó, xuất khẩu các loại sắt thép thông thường (chủ yếu là thép bán thành phẩm, băng cuộn cán nóng, cuộn cán nguội, thép tấm, thép mạ kẽm,...) đạt gần 1,645 triệu tấn, xấp xỉ con số so với tháng trước và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu các sản phẩm sắt thép đặc biệt đạt hơn 513 triệu tấn, giảm 3,7% so với tháng trước và giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước với tổng giá trị kim ngạch đạt 669,7 triệu USD.

Thái Lan là thị trường xuất khẩu thép lớn nhất của Nhật Bản trong tháng 1 với 423.178 tấn. Tiếp đó là Trung Quốc và Hàn Quốc với lượng sắt thép xuất khẩu sang lần lượt là 399.985 tấn, 325.506 tấn.



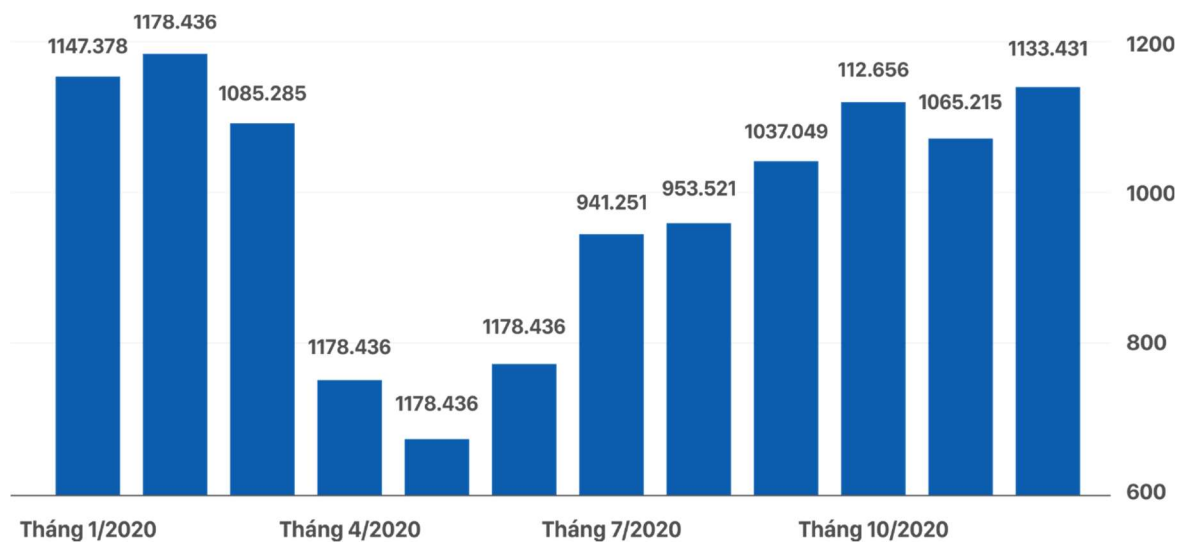
Ấn Độ: Theo thông tin từ VITIC – Trung tâm thông tin công nghiệp & thương mại, tổng xuất khẩu thép tấm cán nóng và thép dày từ các công ty thép lớn của Ấn Độ đạt 7,11 triệu tấn vào năm 2020, tăng 31,2% so với năm 2019.

Trong đó, Việt Nam là nhà nhập khẩu thép tấm lớn nhất của Ấn Độ, đạt 2,74 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019.

Sau khi gỡ lệnh phong tỏa do dịch COVID-19, các nhà máy thép Ấn Độ giảm đáng kể sản lượng xuất khẩu đồng thời tăng giá bán trong nước do nguồn cung hạn chế và nhu cầu cao. Các nhà máy của Ấn Độ sẽ chuyển trọng tâm bán hàng sang thị trường nội địa, hạn chế xuất khẩu của nước này.



Mỹ: Theo số liệu từ Trading Economics, giá trị xuất khẩu sắt thép và các sản phẩm sắt thép của Mỹ trong tháng 12 đạt 1.133,4 triệu USD, tăng nhẹ so với tháng trước. Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của sắt thép Mỹ là Canada, EU, Mexico, Trung Quốc.



Biểu đồ 4: Giá trị xuất khẩu sắt thép hàng tháng của Mỹ (Đvt: triệu USD)

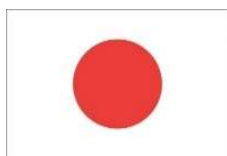


Brazil: Theo VITIC, Brazil đã xuất khẩu 28,99 triệu tấn quặng sắt trong tháng 1/2021, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu đạt 2,75 tỷ USD, tăng 57,9% so với năm 2020

Brazil đã xuất khẩu 731.000 tấn phế liệu vào năm 2020, tăng 3% so với năm 2019. Trong đó, Brazil xuất khẩu được 240.500 tấn sang Bangladesh và 221.000 tấn sang Ấn Độ.

Riêng tháng 12/2020, Brazil đã xuất khẩu được 30.000 tấn phế liệu, giảm 46,6% so với tháng liền trước và 75,1% so với cùng kỳ năm 2019. Sản lượng xuất khẩu giảm do nhu cầu và giá trong nước tăng.

Tình hình nhập khẩu



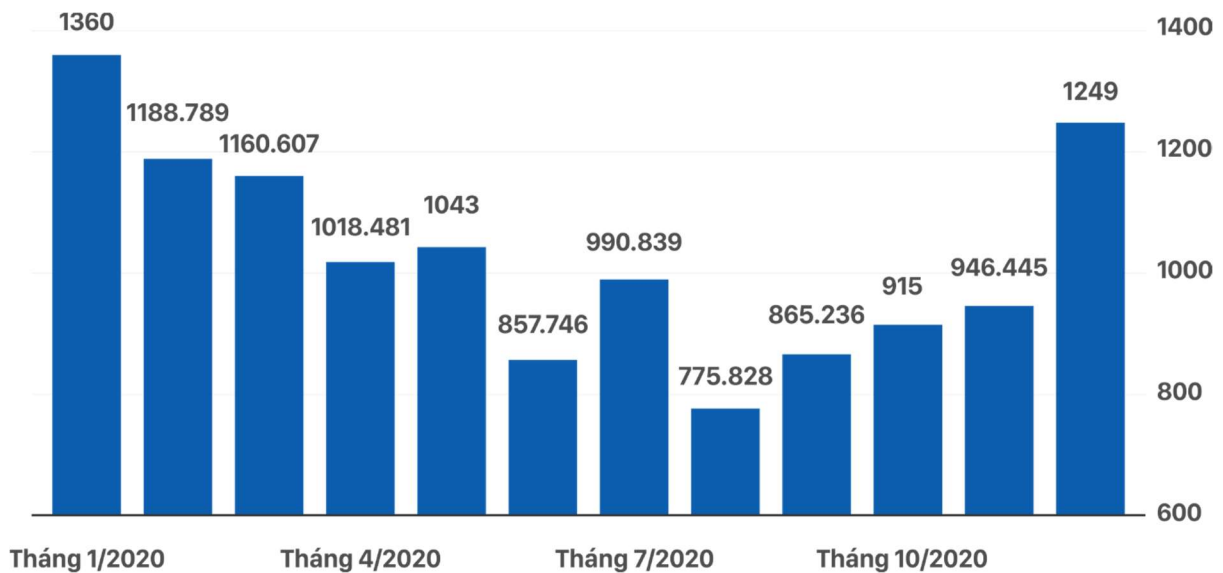
Nhật Bản: Trong tháng 1/2021, nước này đã nhập khẩu 557.384 tấn sắt thép, giảm 4% so với tháng trước và giảm gần 18,3% so với cùng kỳ năm trước, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt hơn 615 triệu USD.

Lượng nhập khẩu các sản phẩm sắt thép thông thường đạt 334,707 tấn, giảm 2,2% so với tháng trước và giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng nhập khẩu các loại sản phẩm đặc biệt lại tăng 3,4% so với tháng trước nhưng chỉ bằng gần 67% của cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc vẫn là nước xuất khẩu nhiều sắt thép nhất sang Nhật Bản với 287.525 tấn trong tháng 1. Ngoài ra còn các nước khác như Trung Quốc, Đài Loan nhưng với sản lượng thấp hơn rất nhiều chỉ vào khoảng 76.000 – 81.000 tấn.



Mỹ: Giá trị nhập khẩu sắt thép tháng 12 của Mỹ tăng mạnh từ 946,4 triệu USD trong tháng 11 lên 1.249 triệu USD, tăng gần 32%. Lũy kế 12 tháng đầu năm, tổng giá trị xuất khẩu đạt 13,7 tỷ USD các khu vực xuất khẩu nhiều sắt thép sang Mỹ nhất là Trung Quốc, EU, Mexico, Canada.

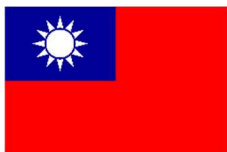


Biểu đồ 6: Giá trị nhập khẩu sắt thép Mỹ hàng tháng (Đvt: triệu USD)

Theo tờ *Market*, tổng nhập khẩu các sản phẩm thép tăng 9% trong tháng 12/2020 đạt 1,36 triệu tấn thép thành phẩm. Trong đó, thép thành phẩm chính là thép cuộn cán nóng đạt 148.600 tấn, tăng 36% so với tháng liền trước. Các quốc gia cung cấp thép chính cho Mỹ là Hàn Quốc (201.300 tấn), Canada (426.700 tấn) và Đức (65.600 tấn).

Lũy kế cả năm 2020, Mỹ nhập khẩu 22 triệu tấn thép thành phẩm trong năm 2020, giảm 21,2% so với năm 2019.

Nhập khẩu thép thành phẩm đạt 16,1 triệu tấn thép ngắn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó nhà cung cấp lớn nhất đứng đầu là Hàn Quốc 2 triệu tấn, giảm 21,8% so với cùng kỳ năm 2019. Các nhà cung khác bao gồm Nhật Bản, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil và Trung Quốc.



Đài Loan: Theo thống kê từ Hải quan Đài Loan, nhập khẩu phôi thép của Đài Loan tăng 22,66% lên 1,5 triệu tấn trong năm 2020. Năm quốc gia nhập khẩu đứng đầu là Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Việt Nam và Hàn Quốc.

Trong số đó, đứng vị trí thứ nhất là Nga 610.000 tấn, tăng 20.000 tấn so với năm 2019. Nhập khẩu phôi thép từ Ấn Độ tăng vọt lên trong năm 2020 với tổng nhập khẩu là 140.000 tấn

đứng vị trí thứ 3. Bên cạnh đó, Nhật Bản xuất khẩu sang Đài Loan tăng 214.000 tấn so với năm 2019.

Đài Loan nhập khẩu khoảng 3,6 triệu tấn phế liệu sắt vào năm 2020, tăng 2,7% so với năm 2019. Trong đó, nhập khẩu từ Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất, với tổng sản lượng là 1,53 triệu tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019. Nhật Bản đứng thứ hai là 1,1 triệu tấn, tăng 74,6% so với cùng kỳ năm 2019.

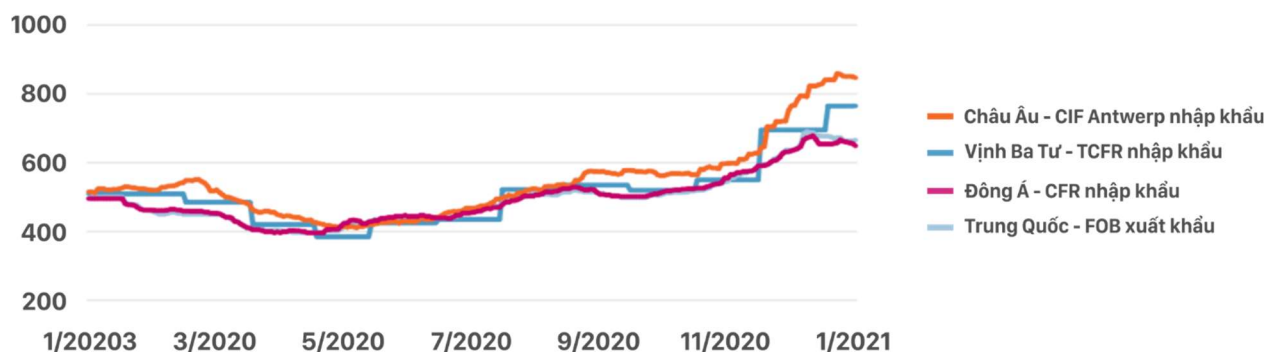


Brazil: Nhập khẩu được 91.000 tấn phế liệu vào năm 2020, giảm 47,6% so với năm 2019. Trong tháng 12/ 2020, Brazil đã nhập khẩu là 33.400 tấn, so với cùng kỳ năm 2019 là 988 tấn.

3. Diễn biến giá

GIÁ HRC GIAO DỊCH CẢNG ĐÔNG Á NGÀY 18/2/2021 Ở MỨC 663 USD/TẤN, CFR CẢNG ĐÔNG Á, TĂNG KHOẢNG 9 USD/TẤN SO VỚI MỨC GIÁ GIAO DỊCH ĐẦU THÁNG 1/2021 NHƯNG ĐÃ GIẢM HƠN SO VỚI MỨC CHÀO NGÀY 8/12 (700 USD/TẤN).

Riêng giá giao dịch HRC ở khu vực Trung Đông có xu hướng đi ngang; còn các thị trường khác Châu Âu, Đông Á và Trung Quốc đều có xu hướng giảm



Biểu đồ 7: Giá HRC tại các thị trường năm 2021 (Nguồn: Platt), (Đvt: USD/triệu tấn)

Giá thép cuộn cán nóng của Mỹ vẫn ở mức cao nhất kể từ năm 2008 là 948,25 USD/tấn, tăng hơn 500 USD/tấn kể từ tháng 8. Tâm lý trên thị trường cho thấy giá cao sẽ vào khoảng năm 2021 do hạn chế về nguồn cung.

Một số nhà máy cho biết họ sẽ không có nguyên liệu cho đến tháng 3, trong khi những nhà máy khác đang bán cho những người trả giá cao nhất. Với những động lực này, giá HRC có khả năng sẽ tiếp tục tiến tới mức 1.000 USD/tấn.

Chỉ số HRC Mỹ ở mức 893,75 USD/tấn. Điều kiện thị trường ổn định khiến giá HRC tăng hơn gấp đôi kể từ đầu tháng 8.

Tại thị trường châu Á, giá HRC ổn định do người mua bắt kịp với giá thầu và dấu hiệu cao hơn, trong khi HRC Trung Quốc vẫn có tính cạnh tranh nhất trên thị trường. Platts đánh giá HRC SS400 dày 3 mm ở mức 618 USD/tấn FOB Trung Quốc. Trên cơ sở CFR Đông Nam Á, cùng loại cuộn thép được đánh giá ở mức 615 USD/tấn so với cùng kỳ.

4. Dự báo

Giá thép toàn cầu đã kết thúc một năm bất thường ở mức cao và phần lớn đà tăng có khả năng tiếp tục kéo dài đến nửa đầu năm 2021. Theo dự báo của Worldsteel, nhu cầu thép toàn cầu sẽ tăng lên 1.795,1 triệu tấn vào năm 2021, tăng 4,1% so với năm 2020.

Vào năm 2020, lĩnh vực sản xuất toàn cầu và đặc biệt là lĩnh vực ô tô, đang ở trong tình trạng ảm đạm. Nhưng nó có khả năng trở thành phân khúc có hiệu suất ngôi sao trong nửa đầu năm 2021, bao gồm cả ở Trung Quốc.

Tại Mỹ, chính quyền Biden sẽ bắt đầu vào tháng 1, tạo ra nhiều mối quan tâm hơn về cách tiếp cận đối với thuế nhập khẩu thép và đối với Trung Quốc.

PHẦN II

THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC

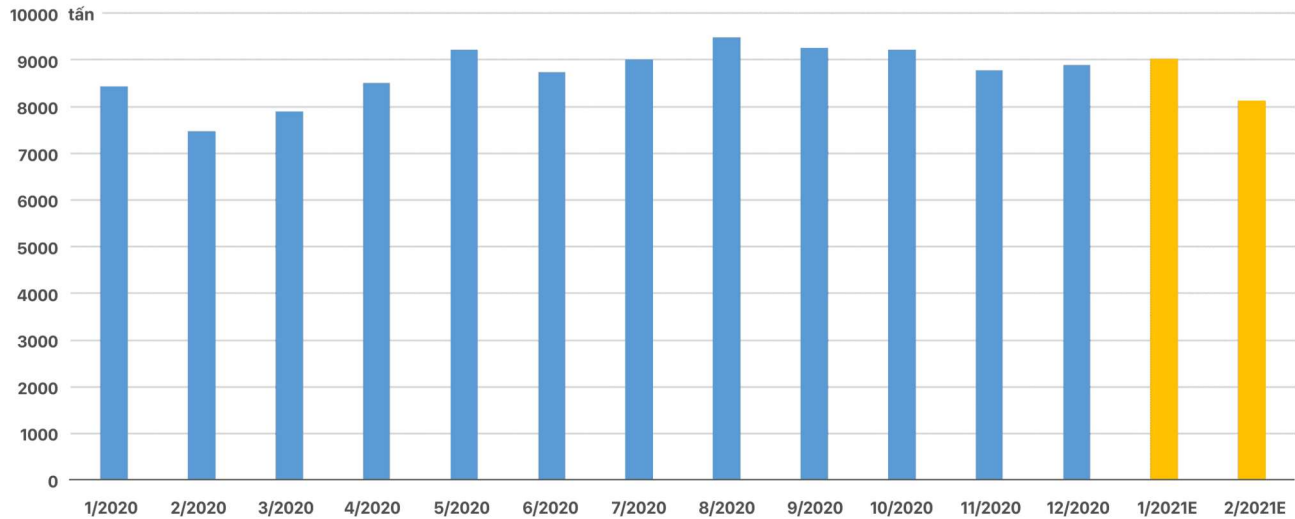
1. Tình hình sản xuất

Theo Hiệp hội thép thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô của Trung Quốc ước đạt 90,2 triệu tấn trong tháng 1, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Vào tháng 2, hầu hết nhà máy sử dụng lò điện hồ quang sẽ ngừng hoạt động, động thái này sẽ dẫn đến việc giảm sản lượng thép thô.

Nhu cầu giảm mạnh và chi phí sản xuất cao buộc nhiều nhà máy Trung Quốc tiến hành bảo trì các cơ sở sản xuất thép của họ, dẫn đến sản lượng thép của các nhà máy tiếp tục giảm. Trong các ngày từ 21-27/1, tổng sản lượng của 5 mặt hàng chính trong số các nhà máy thép được khảo sát đã giảm tuần thứ ba liên tiếp, giảm 1,3% so với tuần trước xuống 10,3 triệu tấn.

Dự trữ thép thành phẩm của năm sản phẩm thép tại các kho của thương nhân ở 132 thành phố Mysteel kiểm tra đã tăng lên 18 triệu tấn tính đến ngày 28/1, tăng 13,8% trong tuần và cao hơn 5,9 điểm % so với tuần trước, cuộc khảo sát cho thấy.

Theo khảo sát của SteelHome, tính đến ngày 28/1, tỷ lệ vận hành lò cao của các nhà máy thép lớn ở Trung Quốc là 93,34% (tính theo công suất), giảm 0,85 điểm% so với cuối tháng 12. Tỷ lệ hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân sử dụng lò điện hồ quang là 65,76% (tính theo công suất), giảm 12,97 điểm phần trăm.



Biểu đồ 8: Sản lượng thép thô Trung Quốc trong một năm qua

(Nguồn: Worldsteel và dự đoán của SteelHome)

Dự báo

SteelHome dự đoán trong tháng 2, sản lượng thép thô hàng ngày đạt 2,9 triệu tấn; nhập khẩu thép giảm xuống dưới 1 triệu tấn; xuất khẩu thép lên tới 5,5 triệu tấn, nguồn cung thép thô khoảng 76,91 triệu tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc tuyên bố sẽ giảm công suất thép thô

Năm 2021, Trung Quốc cho biết sẽ từng bước thiết lập hệ thống kiểm soát xả thải carbon, chất ô nhiễm, tổng tiêu thụ năng lượng trong sản xuất thép.

Theo Tổ chức dữ liệu phát thải Trung Quốc (CEADs), tổng lượng phát thải CO₂ trong năm 2017 là 9,339 tỷ tấn, trong đó có 1,677 tỷ tấn từ ngành công nghiệp luyện sắt, chiếm tỷ trọng 17,96%. Do đó, trong tương lai, ngành thép Trung Quốc sẽ phải chịu áp lực lớn trong việc cắt giảm mức thải carbon.

Các biện pháp hiện tại để giảm sản lượng thép thô bao gồm, thực hiện chính sách mới về công suất cho các nhà máy thép, tăng tốc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp trong các nhà

máy. Tuy nhiên, công suất thép có thể vẫn mở rộng vào năm 2021 bất chấp động thái thay thế.

Với nhu cầu thép mạnh mẽ trong và ngoài nước vào năm 2021, Trung Quốc có thể vẫn gặp khó khăn trong việc giảm sản lượng thép thô.

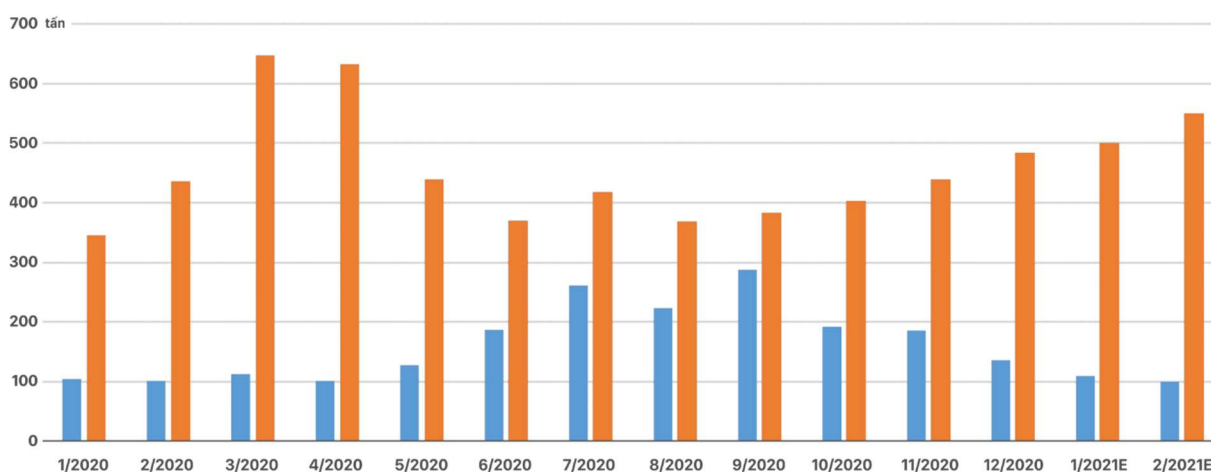
Căng thẳng cung cấp quặng sắt và than cốc tiếp tục

Sự thiếu hụt nguồn cung quặng sắt dường như rõ ràng hơn trong nửa tháng đầu năm 2021, do sản lượng thép thô toàn cầu sẽ tăng lên do giá tăng. Căng thẳng nguồn cung than cốc sẽ tiếp tục duy trì khi tồn kho của nguyên liệu này ở mức khá thấp vào cuối tháng 1.

2. Xuất nhập khẩu, tồn kho

Theo số liệu thống kê từ Trung Quốc, tổng nhập khẩu các sản phẩm thép trong năm 2020 đạt 20 triệu tấn, tăng 8 triệu tấn so với năm 2019.

Tổng xuất khẩu các sản phẩm thép của Trung Quốc năm 2020 đạt 54 triệu tấn, giảm 11 triệu tấn so với năm 2019. Trong đó, tổng sản lượng thép nhập khẩu của Trung Quốc trong tháng 12/2020 đạt 1,37 triệu tấn và 4,85 triệu tấn thép xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2019.



Biểu đồ 9: Diễn biến xuất nhập khẩu thép của Trung Quốc trong một năm qua

(Nguồn: SteelHome)

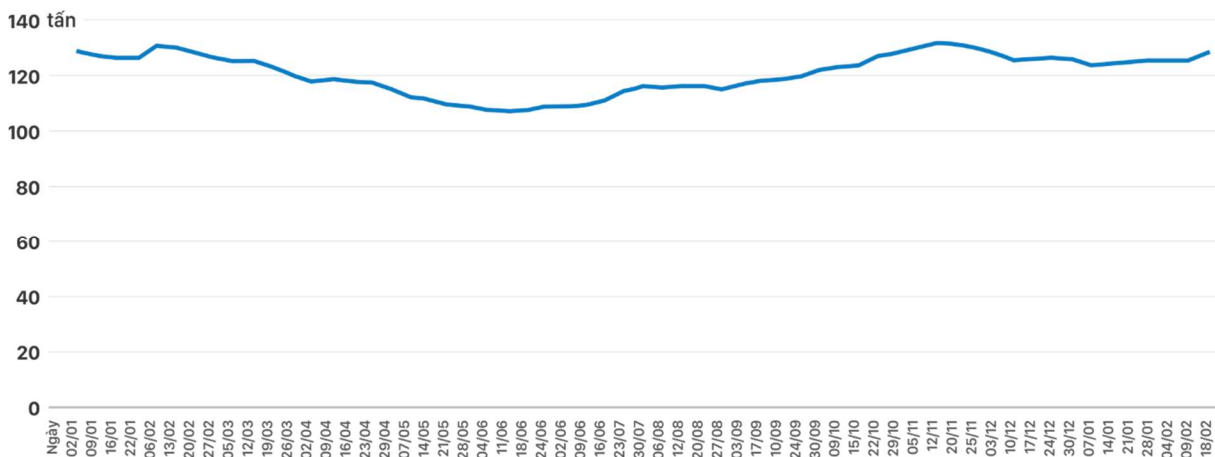
Đáng chú ý, Trung Quốc trở lại nhập khẩu phế liệu gây áp lực cho các nhà nhập khẩu khác phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu thô của Nhật Bản như Việt Nam, Đài Loan và Bangladesh.

Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong năm 2020 đạt mức cao kỷ lục 1,17 tỷ tấn.

Tổng nhập khẩu phế liệu của Trung Quốc dự kiến sẽ đạt 10 triệu tấn trong năm 2021.

Số liệu khảo sát của Mysteel cho biết dự trữ thép thành phẩm của năm sản phẩm thép tại các kho của thương nhân ở 132 thành phố đã tăng lên 18 triệu tấn tính đến ngày 28/1, tăng 13,8% trong tuần và cao hơn 5,9 điểm % so với tuần trước.

Theo Steel Home, tổng lượng tồn kho của 5 sản phẩm thép trên thị trường và các nhà máy tính đến ngày 28/1 là 18,73 triệu tấn, tăng 3,64 triệu tấn so với tháng 12/2020.



Biểu đồ 10: Tình hình tồn kho quặng của Trung Quốc. (Nguồn: SteelHome)

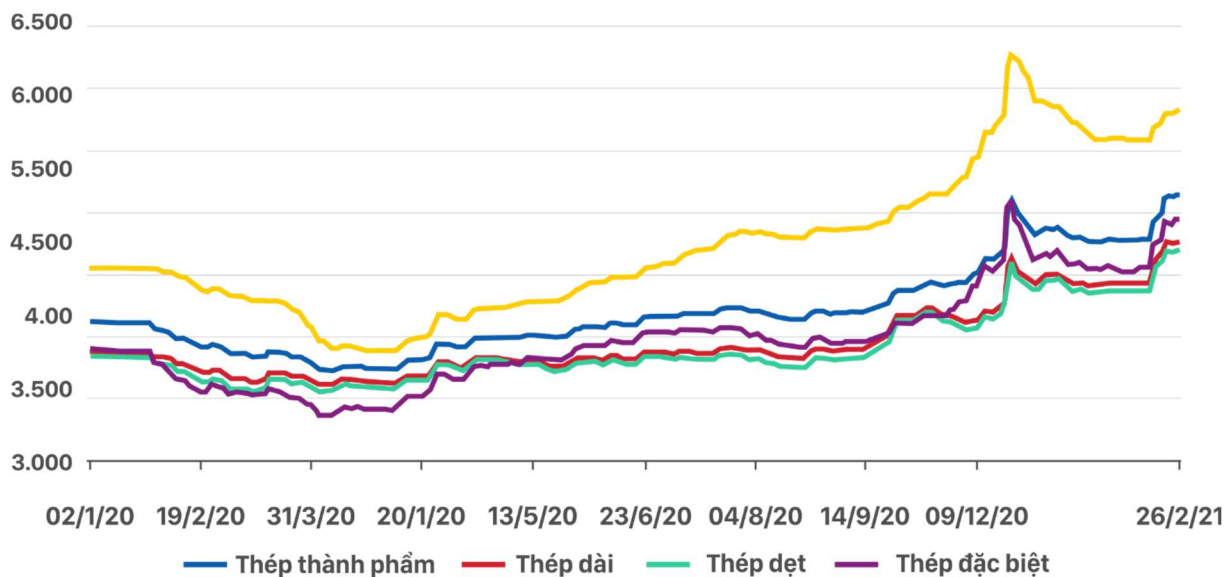
3. Diễn biến giá

Giá thép trên thị trường Trung Quốc giảm trong tháng 1. Tuy nhiên, tình trạng thiếu nguyên liệu vẫn tiếp diễn và điều này đã kìm hãm đà giảm của giá thép.

Giá thép nội địa Trung Quốc đã dao động trong biên độ hẹp trong một thị trường trầm lắng vào cuối năm âm lịch. Ví dụ, giá thép cây HRB 400 đường kính 20mm đã dao động quanh mức 4,350 NDT/tấn (671 USD/tấn). Giá ở mức 4,354 NDT/tấn bao gồm 13% VAT kể từ ngày 27/1, tăng 14 NDT/tấn so với một tuần trước, theo dữ liệu của Mysteel.

Vào ngày 28/1, các khảo sát cho thấy giao dịch thép cây, thép tấm vừa và thép cuộn cán nóng hàng ngày trên thị trường là 52.200 tấn, 19.400 tấn và 17.000 tấn, giảm 34,3%, 9,4% và 20,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại ngày 28/1, chỉ số giá thép Trung Quốc theo thống kê riêng của Tổ chức SteelHome (SHCNSI) đạt 4.774 NDT, giảm 42 NDT so với cuối tháng 12. Theo sản phẩm, chỉ số thép dài (SHCNSI-L) là 4.422 NDT, giảm 7 NDT; chỉ số thép đặc biệt (SHCNSI-S) là 5.132 NDT, giảm 17 NDT; chỉ số thép không gỉ (SHCNSI-SS) là 15.854 NDT, tăng 1076 NDT.



Biểu đồ 11: Diễn biến giá thép Trung Quốc kể từ tháng 01/2021

(Nguồn: SteelHome)

Giá hợp đồng tương lai thép cây 2105 và hợp đồng tương lai thép cán nóng được giao dịch trên Sàn giao dịch Thượng Hải đóng cửa ở mức 4.275 nhân dân tệ và 4.423 nhân dân tệ, giảm 113 nhân dân tệ hoặc 131 nhân dân tệ so với cuối tháng 12.

Giá thép xây dựng tăng 4% do nhu cầu tăng trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, bất động sản và ô tô trong khi các biện pháp hạn chế sản xuất để bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm ngặt hơn.

Việc chính phủ Trung Quốc đã thắt chặt lĩnh vực bất động sản, khiến các nhà máy khó duy động tiền mặt hơn, kết hợp với hoạt động xây dựng chậm lại do thời tiết, có khả năng ảnh hưởng đến giá thép cuộn và cuối cùng gây áp lực lên giá quặng sắt trong thời gian tới.



PHẦN III

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

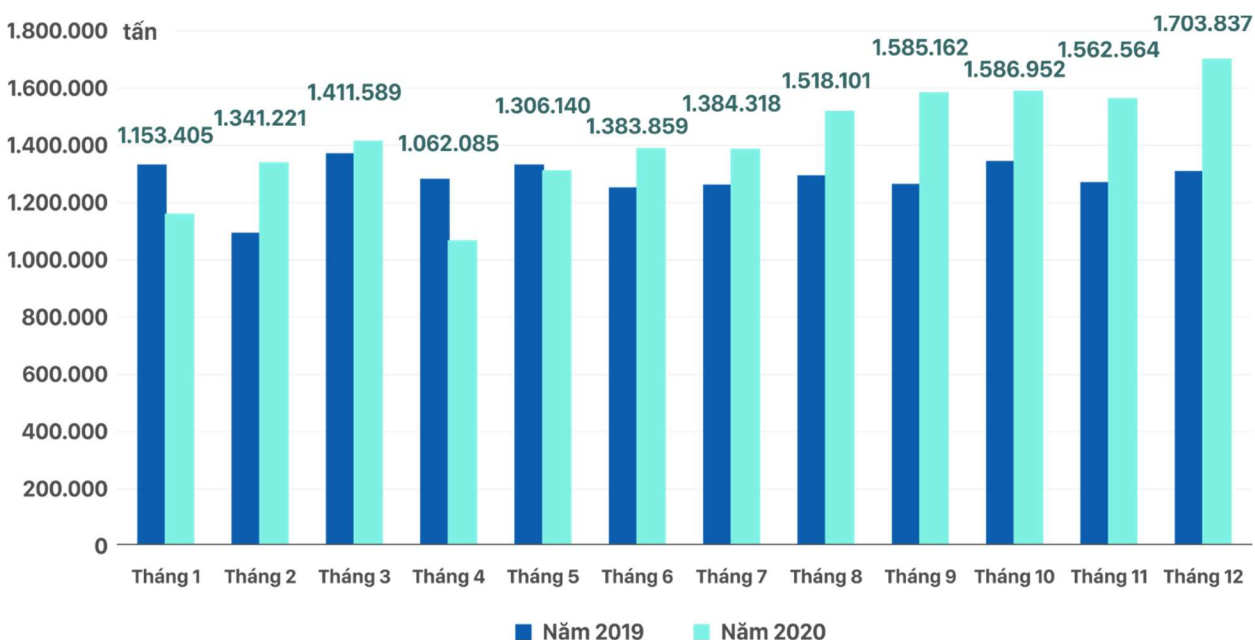
Tháng 1, trong bối cảnh dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam có xu hướng phục hồi tích cực với nhiều điểm sáng. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 ước tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước kéo theo sự tăng trưởng của ngành thép.

1. Sản lượng và tiêu thụ thép Việt Nam

Theo số liệu từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), sản xuất thép thô tháng 1/2021 đạt 1.732.259 tấn, tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 50,2% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu thụ thép thô đạt 1.745.122 tấn, tăng 8,5% so với tháng trước và tăng 61,6% so với cùng kỳ 2020. Trong đó, xuất khẩu thép thô là 253.686 tấn.

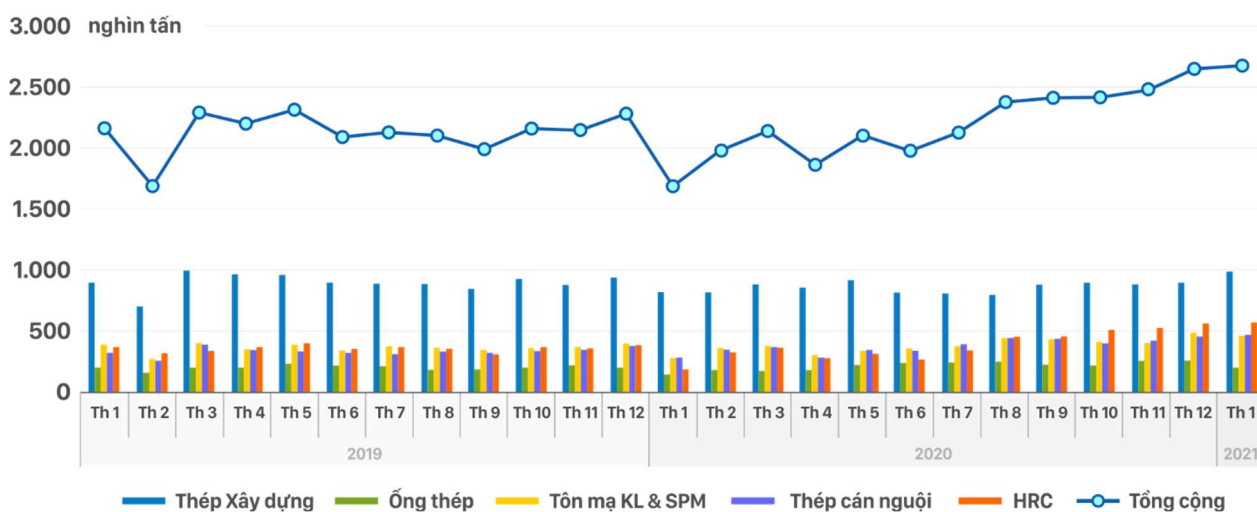
Trước đó, trong năm 2020, sản xuất thép thô đạt 17.219.188 tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2019. Bán hàng đạt 16,98 triệu tấn, tăng 12% so với cùng kỳ 2019. Trong đó xuất khẩu đạt gần 3,24 triệu tấn, tăng gấp 3,55 lần so với cùng kỳ 2019.



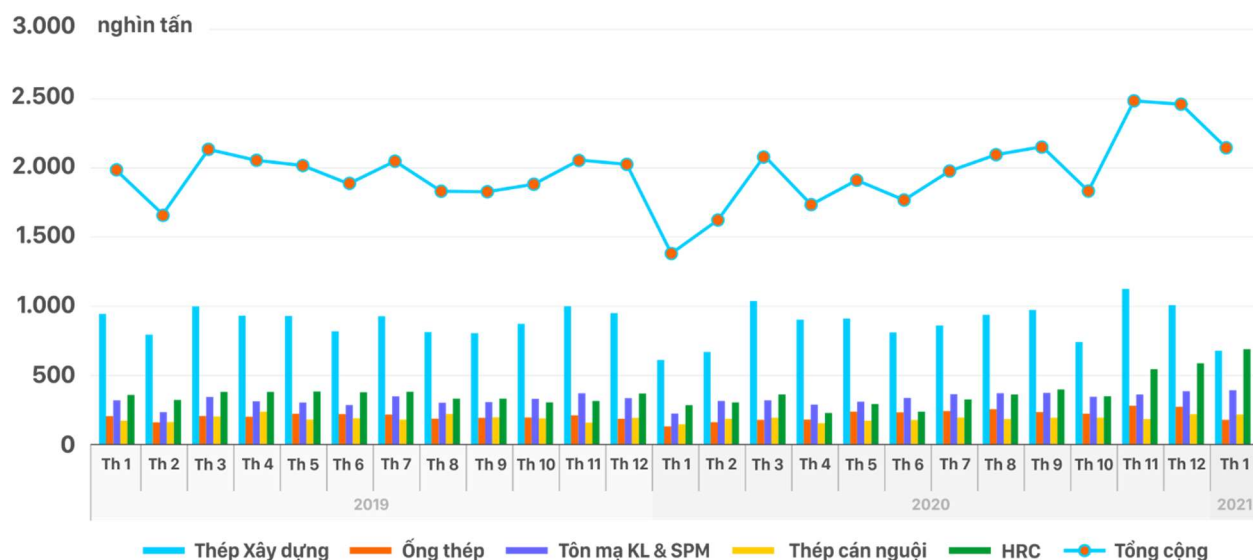


Biểu đồ 12: Tình hình sản xuất thép thô qua các năm. (Nguồn: VSA)

Sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 2.651.200 tấn, tăng 1,32% so với tháng trước và tăng 60,6% so với cùng kỳ năm 2020. Bán hàng thép các loại đạt 2.116.188 tấn, giảm 12,98% so với tháng 12/2020, nhưng tăng 55,1% so với cùng kỳ 2020. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 457.797 tấn, tăng 2,24% so với tháng trước và tăng 61,4% so với tháng 1/2020.



Biểu đồ 13: Tình hình sản xuất thép thành phẩm tới tháng 1/2021. (Nguồn: VSA)



Biểu đồ 14: Tình hình bán thép thành phẩm tới tháng 1/2021. (Nguồn: VSA)

Các sản phẩm thép thành phẩm cơ bản của Việt Nam gồm: Thép xây dựng, ống thép, tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, thép cán nguội, thép cuộn cán nóng (HRC). Trong đó, thép xây dựng là sản phẩm có lượng sản xuất và bán hàng lớn nhất, chiếm khoảng 45% tổng giá trị bán hàng trong cả năm.

STT	NGÀNH HÀNG	THÁNG 1/2021			THÁNG 1/2020			% SO VỚI CÙNG KỲ		
		SẢN XUẤT (TẤN)	BÁN HÀNG (TẤN)	XUẤT KHẨU (TẤN)	SẢN XUẤT (TẤN)	BÁN HÀNG (TẤN)	XUẤT KHẨU (TẤN)	SX	BH	XK
1	Thép Xây dựng	969.056	669.381	116.276	803.900	605.479	90.697	120,5	110,6	128,2
2	Ống thép	198.852	177.301	26.192	131.780	127.823	12.956	150,9	138,7	202,2
3	Tôn mạ KL & SPM	458.381	386.670	206.940	263.091	214.257	84.216	174,2	180,5	245,7
4	Thép cán nguội	466.299	212.381	42.169	278.412	146.752	28.339	167,5	144,7	148,8
5	HRC	558.612	670.455	66.220	173.340	270.170	40.810	322,3	248,2	162,3
6	Tổng cộng	2.651.200	2.116.188	457.797	1.650.523	1.364.481	283.598	160,6	155,1	161,4

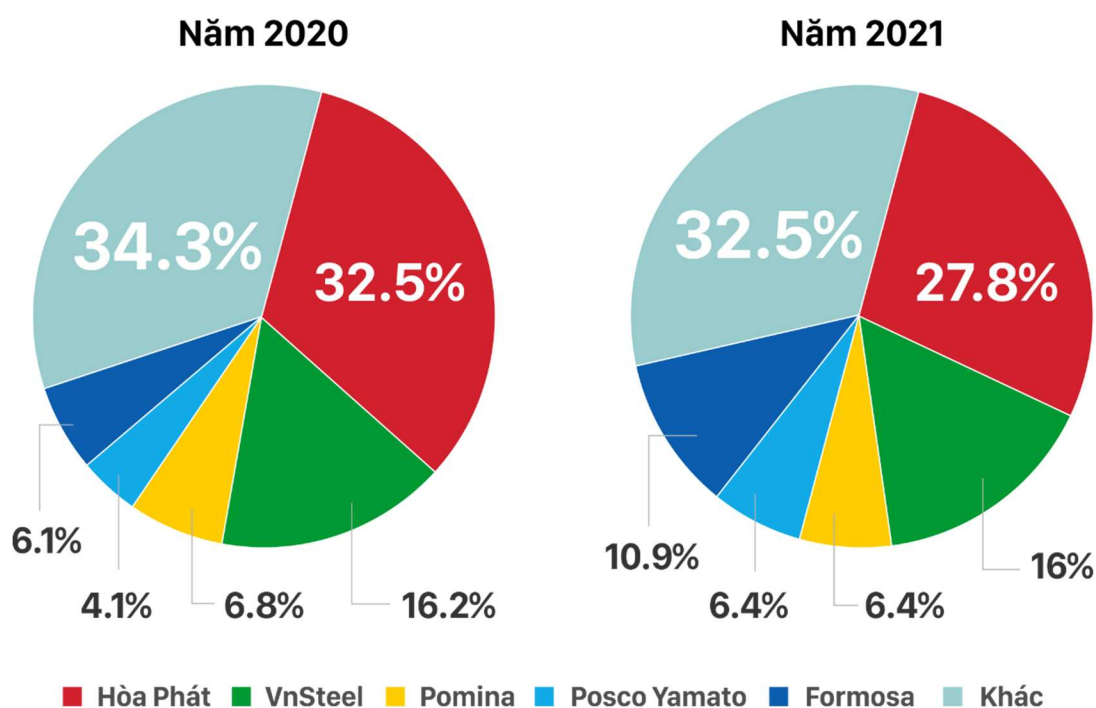
Bảng 1: Tình hình sản xuất và bán hàng các thành phẩm thép của Việt Nam.

(Nguồn: VSA).

Số liệu cho thấy sản lượng thép xây dựng sản xuất trong tháng 1/2021 đạt 969.056 tấn, tăng 9,98% so với tháng 12/2020 và tăng 20,5% so với cùng kỳ 2020. Bán hàng đạt 669.381 tấn, giảm 32,9% so với tháng trước nhưng tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2020.

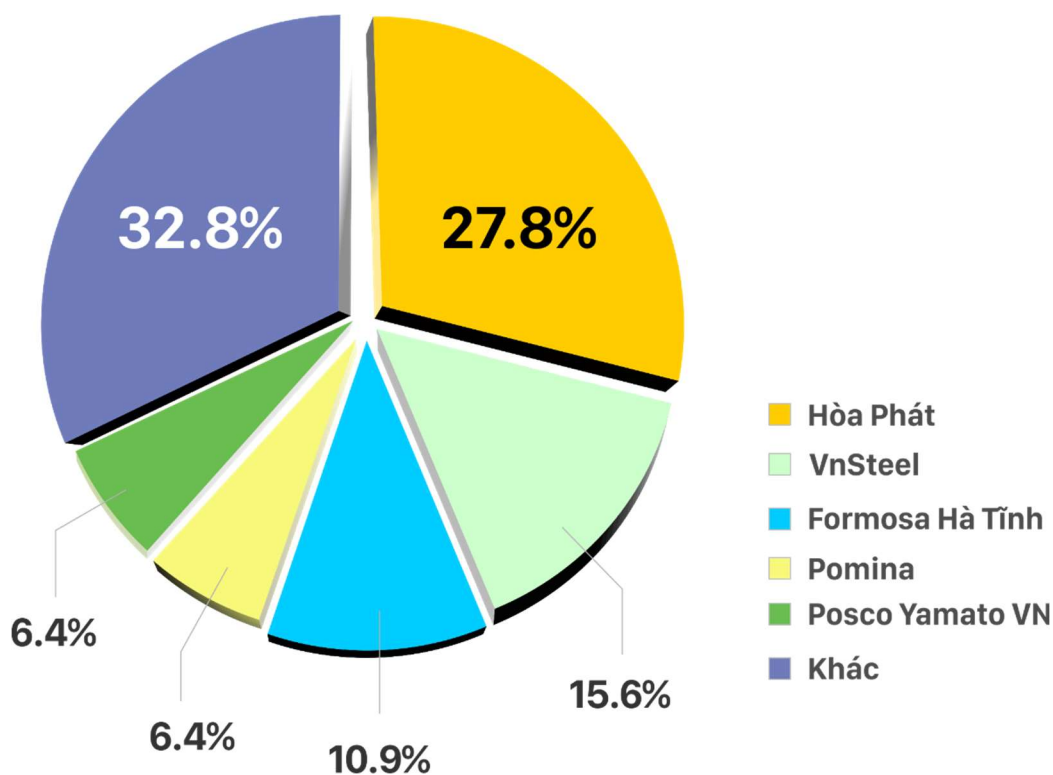
Trước đó, thị trường thép xây dựng nội địa có nhu cầu tiêu thụ thép nhiều hơn trong quý IV do tiến độ các công trình hoàn thành. Sản xuất thép xây dựng quý IV tăng lần lượt so với quý III, II và I là 8%, 3% và 6% nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ 2019 là 2,3%.

Lượng thép xây dựng bán ra trong tháng 1 năm 2021 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2020 ở mức 10,6% trong đó xuất khẩu tăng 28% và tiêu thụ nội địa tăng hơn 7%.



Biểu đồ 15: Thị phần bán ra các nhà sản xuất thép xây dựng trong nước.

(Nguồn: VSA).



Biểu đồ 16: Thị phần top 5 doanh nghiệp sản xuất Thép xây dựng (Nguồn VSA)

Trong tháng 1/2021, sản xuất thép cuộn cán nóng đạt 558.612 tấn ngang mức so với tháng 12/2020 và tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ năm 2020; Bán hàng đạt 670.455 tấn, tăng 17,55% so với tháng trước và tăng gần 2,5 lần so với cùng kỳ 2020.

Cùng kỳ, sản xuất thép cuộn cán nguội (CRC) của các thành viên VSA đạt 466.299 tấn, tăng 3,27% so với tháng 12/2020, và tăng 67,5% so với cùng kỳ 2020; Bán hàng đạt 212.381 tấn, giảm 1,82% so với tháng trước nhưng tăng 44,7% so với cùng kỳ 2020; Trong đó, xuất khẩu đạt 42.169 tấn, tăng 48,8% so với cùng kỳ năm trước

Sản xuất tôn mạ KL & SPM của các thành viên Hiệp hội tháng 1 đạt 458.381 tấn, giảm 3,88% so với tháng 12/2020, nhưng tăng 74,2% so với cùng kỳ năm 2020. Bán hàng đạt 386.670 tấn, tăng 1,28% so với tháng trước và tăng 80,5% so với cùng kỳ 2020. Trong đó xuất khẩu đạt 206.940 tấn, tăng gần 2,5 lần so với cùng kỳ 2020.

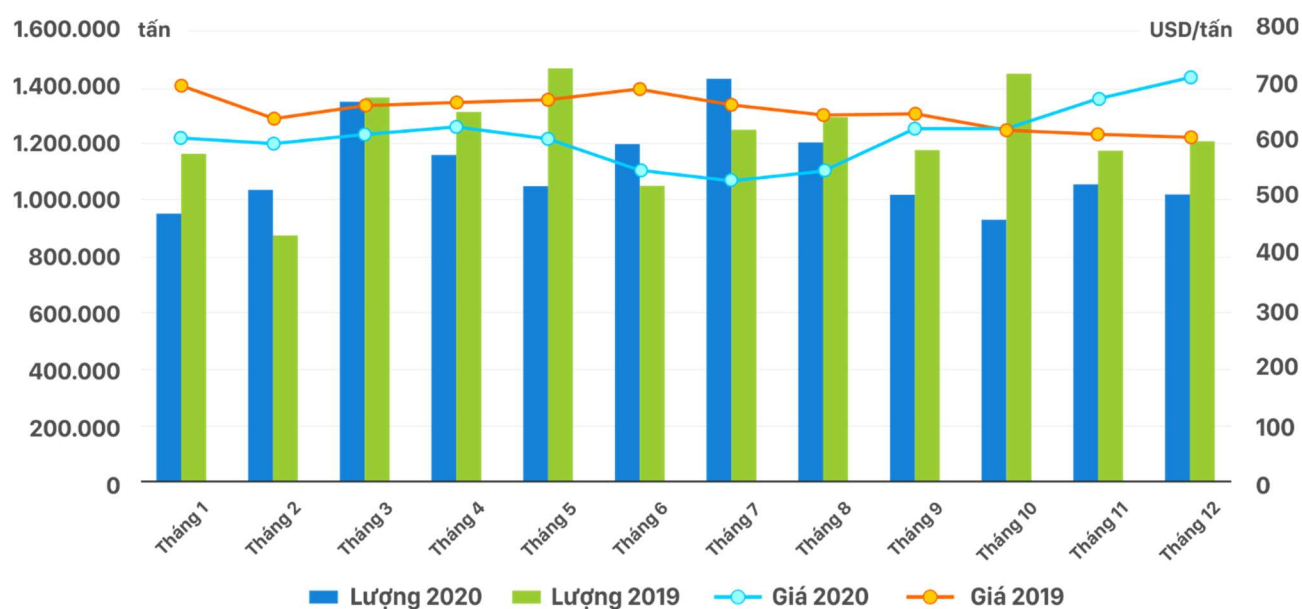
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho

Nhập khẩu

Theo số liệu của VSA, nhập khẩu thép về Việt Nam trong tháng 12/2020, đạt 1,008 triệu tấn với kim ngạch 717 triệu USD, giảm 3,39% về lượng nhưng tăng 2,15% về trị giá so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm lần lượt là 15,57% về lượng và 1,39% về giá trị.

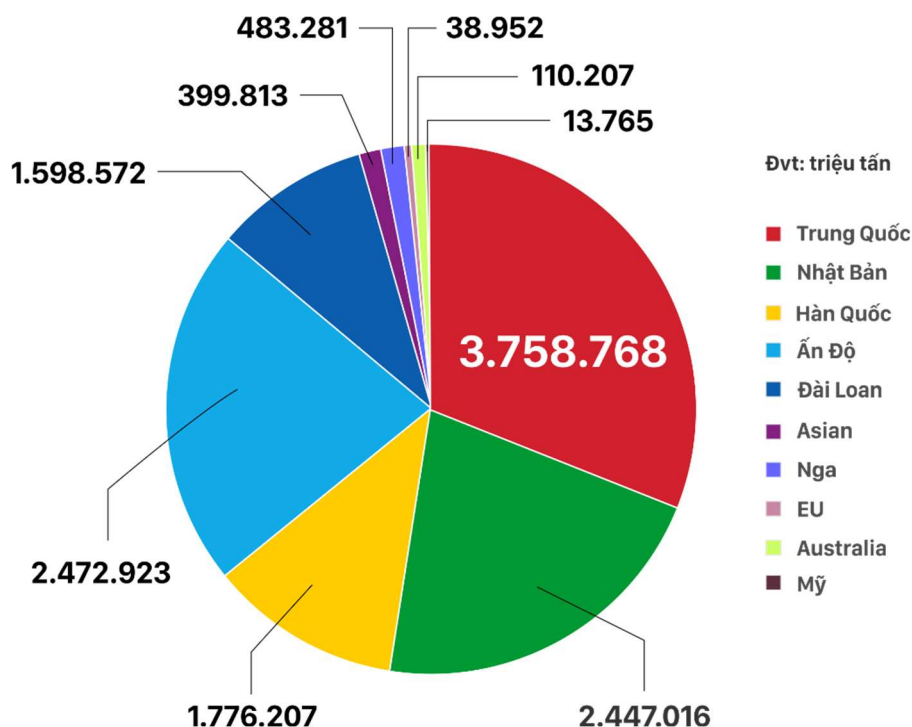
Lũy kế cả năm 2020, nhập khẩu thép về Việt Nam là 13,259 triệu tấn với trị giá trên 8 tỷ USD, giảm lần lượt 8,92% về lượng và 15,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc là 3,41 triệu tấn, với trị giá nhập khẩu hơn 2,77 tỷ USD, chiếm 28,35% tổng lượng thép nhập khẩu và 30,39% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước.

Các quốc gia tiếp theo cung cấp thép khác cho Việt Nam là Nhật Bản (17,42%), Hàn Quốc (15,99%), Ấn Độ (13,87%), Đài Loan (10,95%).



Biểu đồ 17: Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu vào Việt Nam qua các năm.

(Nguồn: VITIC, Tổng cục Hải quan)

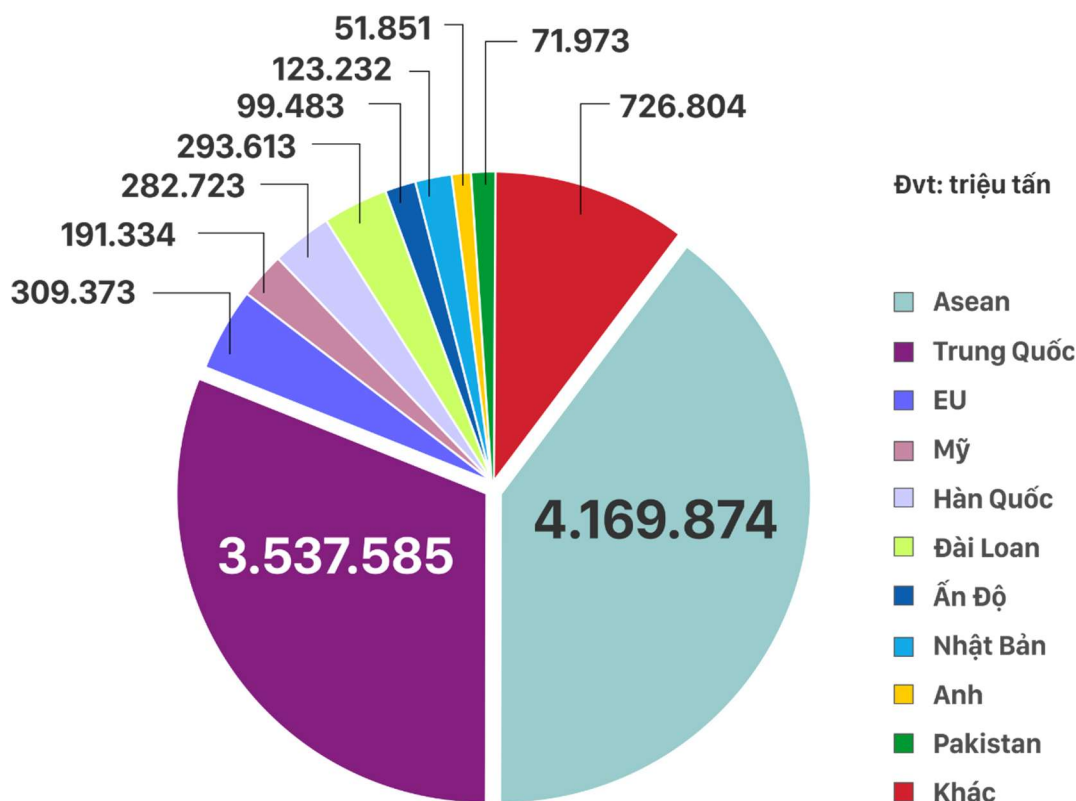


Biểu đồ 18: Tỷ trọng các quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam 11 tháng đầu năm
(Nguồn: VITIC).

Xuất khẩu

Trong tháng 12/2020, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt hơn 942.000 tấn, giảm 4,29% so với tháng trước, nhưng tăng mạnh 45,09% so với cùng kỳ năm 2019 về sản lượng xuất khẩu. Trị giá xuất khẩu đạt 553 triệu USD tăng 1,9% so với tháng 11/2020 nhưng tăng 54,12% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính trong cả năm 2020, Việt Nam xuất khẩu thép đạt 9,85 triệu tấn, với trị giá đạt 5,258 tỷ USD đến hơn 30 quốc gia và khu vực trên thế giới. Trong đó, ASEAN tiếp tục là thị trường xuất khẩu thép lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt gần 4,17 triệu tấn tương đương với trị giá 2,3 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 42,3% về lượng và 43,8% về giá trị trong tổng số 10 nước xuất khẩu thép lớn nhất.



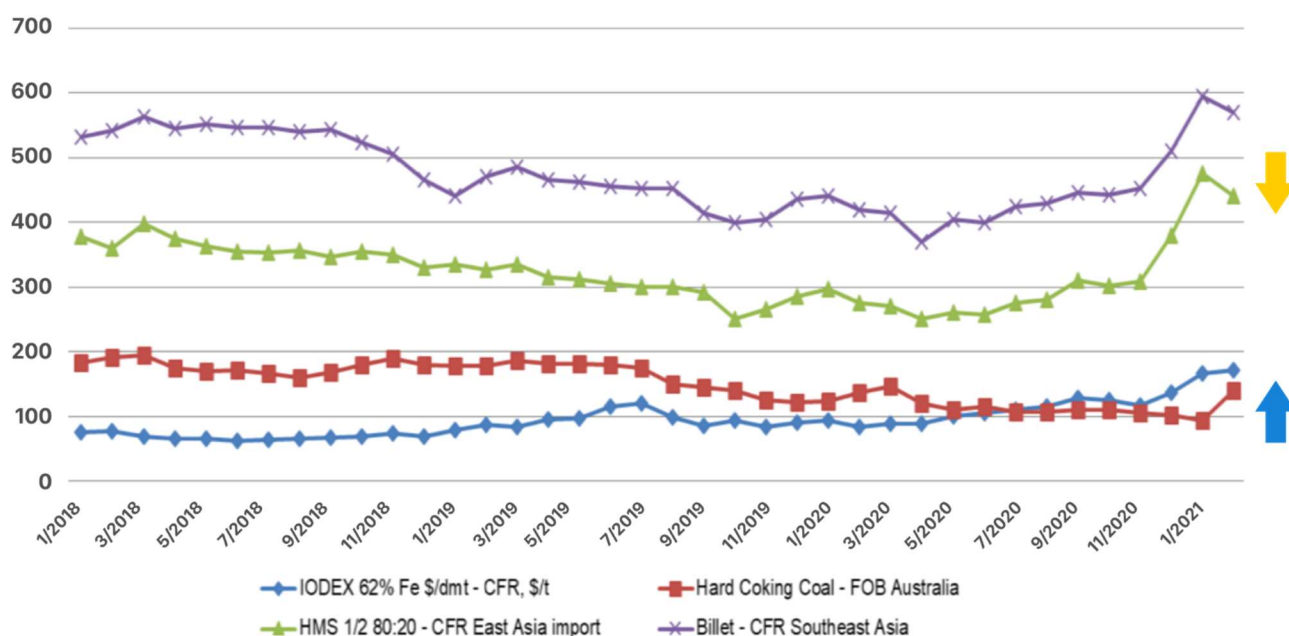
Biểu đồ 19: TOP 10 quốc gia xuất khẩu thép của Việt Nam (Nguồn: VITIC)

3. Diễn biến giá nguyên liệu

Giá quặng sắt (loại 62%Fe) ngày 18/2/2021 giao dịch ở mức 171,95- 172,45 USD/tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng khoảng 5-6 USD/tấn so với đầu tháng 1/2021.

Giá than mỡ luyện cốc xuất khẩu tại cảng Australia (giá FOB) ngày 18/2/2021 (Premium Hard coking coal) khoảng 139,5 USD/tấn, tăng mạnh so với đầu tháng 1/2021

Thép phế liệu: Giá thép phế HMS 1/2 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 440 USD/tấn CFR Đông Á ngày 18/2/2021. Mức giá này giảm 35 USD/tấn so với hồi đầu tháng 1/2020. Giá thép phế chào bán tại các thị trường Mỹ có xu hướng tăng nhẹ, Châu Âu và Đông Nam Á có chiều hướng đi ngang.



Biểu đồ 20: Diễn biến giá nguyên liệu sản xuất thép (Đvt: USD/tấn).

(Nguồn: Platts, VSA).

Điện cực graphite ở Trung Quốc đầu năm 2021 điều chỉnh tăng nhẹ trong bối cảnh nhu cầu thép trong nước tăng. Giá điện cực loại 450mm HP hiện được đánh giá ở mức 15.000-15.500 NDT/tấn (2.140-2.210 USD/tấn) và loại 600mm UHP ở mức 19.000-20.500 NDT/tấn (2.900 - 3.130 USD/tấn).

4. Giá thép trong nước

Trong tháng 1/2021, giá các loại nguyên vật liệu sản xuất thép sau khi tăng cao đột biến hồi cuối tháng 12/20 đã giảm trên thị trường toàn cầu và Việt Nam trước kỳ nghỉ Tết nguyên đán. Tuy nhiên, giá một số loại nguyên liệu, bán thành phẩm sản xuất thép tăng trở lại sau đó như thép phế liệu, HRC, phôi thép,...

Giá bán thép trong nước tuần đầu tiên sau kì nghỉ Tết Âm lịch ở mức bình quân khoảng 14.500 - 15.100 đồng/kg tùy thuộc từng chủng loại sản phẩm và từng doanh nghiệp cụ thể.

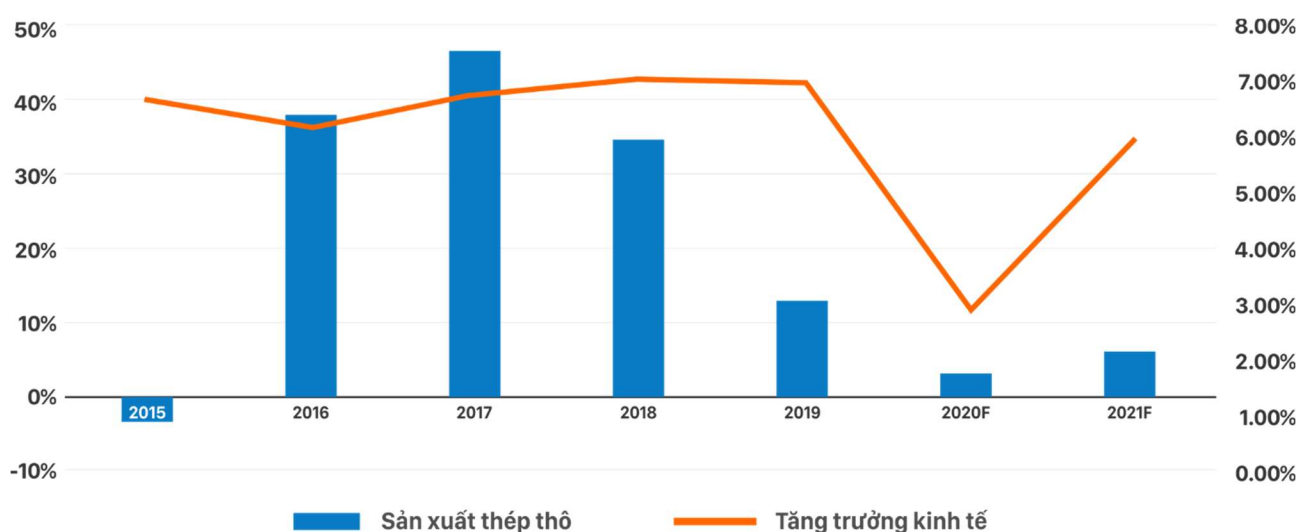
Giá bán thép hiện nay được điều chỉnh giảm theo các chương trình lì xì đầu năm,... để các nhà sản xuất tăng lượng bán ra thị trường đầu năm.

Trong tháng 1/2021, giá phế nội địa tiếp tục tăng từ 600 đồng/kg đến 700 đồng/kg giữ mức 8.450 đồng/kg đến 8.600 đồng/kg; Giá phế nhập khẩu giảm 58 USD/tấn giữ mức 417 USD/tấn cuối tháng 1/2021.

Giá phôi cũng giảm ở mức 15-20 USD/tấn giữ mức 573~577 USD/tấn. Giá phôi nội địa giảm 400-600 đồng/kg, giữ giá ở mức 12.800 đồng/kg đến 13.000 đồng/kg

5. Dự báo

Theo ước tính mới đây, VSA cho rằng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế Việt Nam được duy trì ở khoảng 6% thì sản lượng sản xuất thép thô sẽ tăng khoảng 2%.



Biểu đồ 21: Dự báo tăng trưởng sản xuất thép thô Việt Nam năm 2021

(Nguồn: VSA).

Về nhu cầu tiêu thụ thép năm 2021, VSA cho rằng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép cuộn cán nóng sẽ tăng trưởng khoảng 6% so với năm 2020, xuất khẩu tăng nhẹ 0,61% và lượng nhập khẩu giảm 3,55%.

PHẦN IV

CHÍNH SÁCH

1. Một số nước khởi xướng điều tra các sản phẩm thép Việt Nam**Ấn Độ khởi xướng điều tra rà soát phạm vi sản phẩm trong vụ việc chống trợ cấp đối với ống thép hàn không gỉ từ Việt Nam và Trung Quốc**

Ngày 11/2/2021, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) thông báo khởi xướng điều tra rà soát phạm vi sản phẩm trong vụ việc chống trợ cấp đối với một số sản phẩm ống thép hàn không gỉ có xuất xứ từ Việt Nam và Trung Quốc.

Hàng hóa thuộc đối tượng rà soát: ống thép hàn không gỉ (welded stainless steel pipes and tubes), được phân loại theo các mã HS 7306.40.00, 7306.61.00, 7306.69.00, 7306.11.00, 7306.21.00).

Các bên liên quan cần nghiên cứu và thực hiện đúng theo hướng dẫn của DGTR để được xem xét đầy đủ và toàn diện các thông tin, dữ liệu cung cấp. Truy cập tại website www.dgtr.gov.in

Indonesia ban hành kết luận cuối cùng vụ việc điều tra chống bán phá giá tôn lạnh từ Việt Nam và Trung Quốc

Ngày 17/2/2021, Ủy ban chống bán phá giá Indonesia (KADI) công bố Kết luận điều tra cuối cùng trong vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với tôn lạnh có xuất xứ từ Việt Nam và Trung Quốc.

KADI cho rằng hàng hóa bị điều tra đã bán phá giá và gây ra thiệt hại đáng kể cho các ngành sản xuất tôn lạnh nội địa của Indonesia. Do đó, cơ quan này quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá từ 3,01 tới 49,2% đối với Việt Nam và từ 3,07% tới 55,43% đối với Trung Quốc.

Một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn của Việt Nam có mức thuế chống bán phá giá tương đối thấp như Tôn Đông Á (3,01%), Tôn Hoa Sen (5,34%).

Hàng hóa bị điều tra: Thép mã hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), có mã HS: 7210.61.11, 7212.50.23, 7212.50.24, 7212.50.29, 7225.99.90, 7226.99.19 và 7226.99.99.

Canada thông báo kết luận sơ bộ vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cốt bê tông nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 4/2/2021, Cơ quan Hải quan và Biên giới Canada (CBSA) thông báo kết luận sơ bộ vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cốt bê tông (Concrete reinforcing bar – mã HS: 7213.10, 7214.20, 7215.90, 7727.90) có xuất xứ từ Việt Nam, Algeria, Hi Lạp, Indonesia, Italy, Malaysia, Singapore. Vụ việc này đã được CBSA ra quyết định khởi xướng điều tra ngày 22/9/2020.

Theo đó, CBSA cho rằng thép cốt bê tông nhập khẩu từ các nước bị điều tra trên đã bán phá giá vào thị trường Canada. Đối với Việt Nam, CBSA sơ bộ kết luận biên độ phá giá là từ 3,7% đến 15,4% tùy nhà sản xuất, xuất khẩu cụ thể; các nước khác từ 4,5% đến 28,4%.

Trong thời kỳ điều tra (1/6/2019 đến 30/6/2020), kim ngạch xuất khẩu thép cốt bê tông của Việt Nam đi Canada là xấp xỉ 66,5 nghìn tấn, tương đương khoảng 30 triệu USD.

Trên cơ sở kết luận sơ bộ, Canada sẽ áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời tương ứng với mức biên độ bán phá giá.

Malaysia áp thuế chống bán phá giá thép cuộn cán nguội hợp kim và không hợp kim có xuất xứ hoặc xuất khẩu từ Việt Nam

Ngày 23/1/2021, Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malaysia (MITI) đã quyết định áp thuế chống bán phá giá lên thép cuộn cán nguội hợp kim và không hợp kim Việt Nam với biên độ 7,42% - 33,7% áp dụng từ 24/1-23/5/2021, dựa trên kết quả cuộc điều tra, rà soát bắt đầu từ ngày 28/7/2020.

Malaysia sẽ áp mức thuế 7,42% đối với các sản phẩm của POSCO Việt Nam, trong khi các sản phẩm của công ty cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam và các nhà sản xuất thép khác sẽ chịu mức thuế 33,7%.

Trước đó, ngày 28/12/2020 Malaysia áp thuế chống bán phá giá tạm thời từ 7,73% đến 34,82% đối với thép không gỉ cán nguội từ Indonesia và Việt Nam trong vòng 120 ngày có hiệu lực từ ngày 26/12/2020 và thuế chống bán phá giá từ 2,18% đến 37,14% đối với thép mạ nhôm, kẽm từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam trong 5 năm, có hiệu lực từ ngày 12/12/2020.

Kể từ năm 2004 đến năm 2020, nước ngoài kiện thép xuất khẩu của Việt Nam là 63 vụ việc. Trong đó có 35 vụ kiện chống bán phá giá; 3 vụ kiện chống trợ cấp; 6 vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp và 13 vụ kiện điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

2. Chính sách các nước trên thế giới

Mỹ áp thuế thép để hỗ trợ tăng trưởng ngành thép trong nước

Theo VITIC, Chính phủ Mỹ đã đánh thuế thép lên 25% kể từ năm 2018 để giảm tình trạng nhập khẩu thép tăng mạnh trong suốt thập kỷ qua và làm giảm sản lượng ngành thép nội địa.

Công suất sản xuất các sản phẩm thép đã tăng từ 74% trong năm 2017 lên 90% trong năm 2019. Do bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong năm 2020, tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất thép giảm còn 51% vào tháng 5/2020, nhưng hiện nay sản lượng đã phục hồi trở lại 77%. Hiện tại, nền kinh tế toàn cầu đang trong quá trình phục hồi. Nếu chính phủ Mỹ bãi bỏ thuế quan thì nguồn cung thép dư thừa bên ngoài có thể sẽ đổ dồn vào thị trường Mỹ.

Mỹ hủy bỏ việc xem xét thuế chống bán phá giá đối với một số đỉnh thép từ Trung Quốc

Bộ Thương mại Mỹ (USDOC) đã hủy bỏ thuế chống bán phá giá (AD) đối với một số sản phẩm đỉnh thép nhập khẩu từ Trung Quốc sau khi nước này nộp đơn rút lại yêu cầu vụ kiện vào cuối tháng 10/2020.

Trước đó, USDOC đã chỉ đạo Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ (CBP) đánh giá lại thuế bán phá giá đối với đỉnh thép của Trung Quốc. Thời gian rà soát từ ngày 1/8/2019 đến ngày 31/7/2020. Trước đó, Bộ đã ra phán quyết sơ bộ về việc các nhà xuất khẩu Trung Quốc bán phá giá đỉnh thép sang Mỹ với biên độ phá giá 18,31% từ ngày 1/8/2018 đến ngày 31/7/2019.

PHẦN V

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH



Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG): Trong quý cuối năm 2020 (tức quý đầu tiên trong năm tài chính 2021 của Hoa Sen), tập đoàn ghi nhận doanh thu thuần tăng trưởng 38% lên 9.100 tỷ đồng. Đây là mức doanh thu cao thứ 2 trong lịch sử của Hoa Sen, chỉ sau quý II/2018.

Lợi nhuận sau thuế đạt kỷ lục 572 tỷ đồng, cao gấp hơn ba lần cùng kỳ năm trước và tương đương 38% kế hoạch cả năm tài chính 2021.

Ngày 13/2 vừa qua, tức mừng 2 Tết Tân Sửu, nhà máy Hoa Sen Nghệ An đã xuất khẩu lô hàng 2.300 tấn đi Mexico.

Tập đoàn Hoa Sen cho biết trong dịp Tết Nguyên đán những năm gần đây, các nhà máy Hoa Sen trên cả nước vẫn hoạt động một số dây chuyền trọng yếu để phục vụ các đơn hàng xuất khẩu. Vào những ngày đầu năm Tân Sửu, Hoa Sen đã xuất khẩu một số lô hàng tôn mạ đi Mỹ, Mexico, Châu Âu, Đông Nam Á, ... từ các cụm cảng Phú Mỹ, Nhơn Hội và Nghi Sơn.

Năm 2020 vừa qua, Hoa Sen gia tăng thị phần từ 29,5% lên 33,4%, củng cố vị thế dẫn đầu ngành tôn mạ. Sản lượng tiêu thụ đạt 1,31 triệu tấn, trong đó xuất khẩu chiếm quá nửa với khoảng 750.000 tấn.

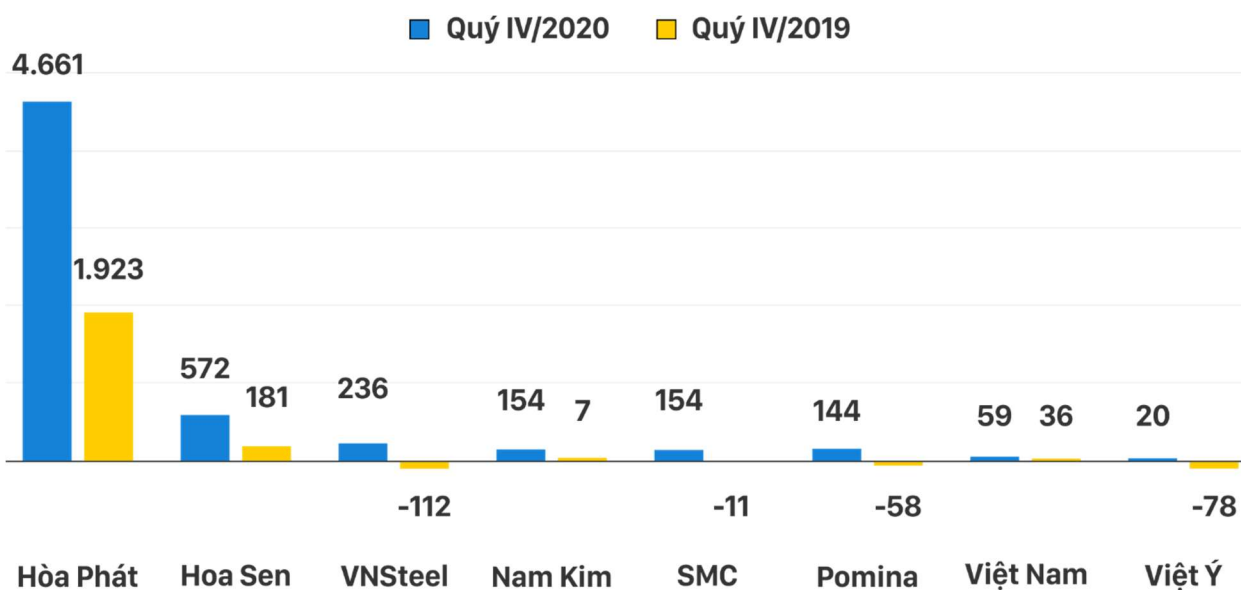
Ở mảng ống thép, Hoa Sen bán ra 436.000 tấn, trong đó xuất khẩu 36.000 tấn. Thị phần tiêu thụ tăng từ 15,3% trong năm 2019 lên 16,8% trong năm 2020, đứng thứ 2 sau Tập đoàn Hòa Phát.



Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG): Trong quý IV/2020, Hòa Phát ghi nhận 25.778 tỷ đồng doanh thu và 4.660 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng tương ứng 43% và 142% so với cùng kỳ năm trước và đều là các mức cao kỷ lục trong lịch sử tập đoàn.

Lũy kế cả năm 2020, Hòa Phát đạt doanh thu thuần hợp nhất 90.119 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2019; lợi nhuận sau thuế cao kỷ lục 13.506 tỷ đồng, tăng 78%. Biên lãi gộp và biên

lãi ròng của Hòa Phát trong năm vừa qua lần lượt là 21% và 15%, tăng đáng kể so với mức 17,6% và 11,9% của năm 2019.



Biểu đồ 22: Lợi nhuận nhiều doanh nghiệp thép tăng trưởng vượt bậc. (Đvt: tỷ đồng).

(Nguồn: Song Ngọc tổng hợp từ các báo cáo tài chính).

Theo phân tích của Chứng khoán Bản Việt (VCSC) và Chứng khoán Rồng Việt (VDSC), Hòa Phát là một trong những doanh nghiệp được hưởng lợi lớn nhất từ xu hướng đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ trong năm COVID thứ nhất.

Cụ thể, thép xây dựng Hòa Phát được sử dụng trong nhiều công trình hạ tầng lớn như: Tuyến Metro Nhổn - Ga Hà Nội, Vành đai 3 trên cao (đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long), Cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, Cao tốc Bắc Nam (đoạn qua Quảng Trị - Huế), Cầu Cửa Hội (Nghệ An), Cao tốc Long Thành - Dầu Giây, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Trụ sở Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Dự án cải tạo Sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, ...

Thị phần thép xây dựng Hòa Phát tăng từ 26,2% trong năm 2019 lên 32,5% năm 2020. Tổng sản lượng thép thô đạt 5,8 triệu tấn, gấp đôi năm 2019. Trong đó tiêu thụ thép thô là 1,7 triệu tấn, thép xây dựng thành phẩm 3,4 triệu tấn, thép cuộn cán nóng (HRC) gần 700.000 tấn.

Đầu tháng 1/2021, Hòa Phát đã đưa vào vận hành lò cao số 4 - cũng là lò cao cuối cùng - của Khu liên hợp Gang thép Dung Quất. Tổng sản lượng thép trong năm nay dự kiến đạt 8

triệu tấn, tăng 37% so với năm 2020. Trong đó sản lượng HRC phần đầu đạt 2,7 triệu tấn, gấp gần 4 lần năm ngoái.

Trong tháng 1 vừa qua, Hòa Phát cho ra lò kỷ lục 670.000 tấn thép thô, tăng 67% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng HRC đạt 252.000 tấn, tăng 48% so với tháng 12/2020.



CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG): Trong quý IV/2020, Thép Nam Kim ghi nhận doanh thu thuần 3.418 tỷ đồng, tăng hơn 200 tỷ đồng (tức gần 7%) so với quý IV/2019. Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 154 tỷ đồng, cao gấp 21,5 lần cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2020, doanh thu của Nam Kim giảm 5% còn 11.560 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế cao gấp hơn 5 lần năm trước, lên 295 tỷ đồng.

Đại hội cổ đông Nam Kim đặt mục tiêu doanh thu cả năm là 12.000 tỷ đồng và lãi ròng 200 tỷ đồng. Trong thực tế, công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu nhưng đã vượt 48% chỉ tiêu lợi nhuận. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh 105 tỷ đồng năm 2019 đã chuyển thành lãi thuần 317 tỷ đồng năm 2020.

Theo Chứng khoán Bản Việt (VCSC), kết quả kinh doanh quý IV khả quan đạt được là nhờ giá thép cuộn cán nóng (HRC) tăng hơn 60% từ mức thấp nhất 4 năm vào tháng 5/2020, dẫn đến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh cho các nhà sản xuất tôn mạ như Nam Kim trong nửa cuối năm 2020. Ngoài ra, thu nhập tài chính cũng đóng góp tích cực vào lợi nhuận chung quý IV/2020.

Tuy nhiên, biên lãi gộp của Nam Kim sẽ ít có tiềm năng tăng trưởng trong năm 2021 do giá HRC hiện đang ở mức cao nhất trong 9 năm qua và có nhiều rủi ro giảm trong trung hạn, khó lặp lại đợt tăng như nửa sau năm 2020.

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)	World Steel
Trung tâm Thông tin Công Nghiệp và Thương Mại (VITIC)	MySteel
Hiệp hội thép Nhật Bản	SteelHome
Viện Sắt thép Mỹ	Trading Economics
	Fastmarkets
	Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép tháng 1/2021” được Biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI CÁC BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:



Báo cáo thị trường thép
Tháng 10/2020



Báo cáo thị trường thép
Tháng 11/2020



Báo cáo thị trường thép
Năm 2020



Mục "Báo cáo ngành hàng"
- VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG THÉP, XIN LIÊN HỆ TỚI ĐỊA CHỈ:

Trịnh Huyền Trang

Thư ký tòa soạn – trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 0995222999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Tầng 3 - Tòa nhà Compa Building - 293 Điện Biên Phủ - P. 15 - Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Chi nhánh: Số 5 - Khu 38A Trần Phú - P. Điện Biên - Q. Ba Đình - Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi

